

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ALPHAVN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ALPHAVN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALPHAVN CONSTRUCTION INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALPHAVNCONS

2. Mã số doanh nghiệp: 0110858312

3. Ngày thành lập: 10/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 5, số 119-121 phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0938150592

Fax:

Email: Alphavnctcp@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đào tạo trung cấp	8532
2.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu (Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
3.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
4.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
5.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đầu	9639
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ Đầu giá)	4513
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ Đầu giá)	4543
8.	Cho thuê xe có động cơ	7710
9.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
10.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
11.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
12.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
13.	Khai thác gỗ	0220
14.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
15.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu (trừ khoáng sản Nhà nước cấm)	0899
16.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Trừ loại nhà nước cấm)	2011

17.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	2029
18.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
19.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy	3290
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
22.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
23.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
24.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
25.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
26.	Xây dựng nhà không để ở	4102
27.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
28.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
29.	Xây dựng công trình điện	4221
30.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
31.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
32.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
33.	Xây dựng công trình thủy	4291
34.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
35.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
36.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
37.	Phá dỡ (không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)	4311
38.	Chuẩn bị mặt bằng (không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)	4312
39.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
44.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới hàng hóa (Loại trừ Đấu giá và loại nhà nước cấm)	4610

46.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
47.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
48.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
49.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn trang thiết bị y tế - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
52.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng)	4662
53.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
54.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
55.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
56.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

57.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
58.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
59.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
60.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
61.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thuốc; - Bán lẻ trang thiết bị y tế; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
62.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
63.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
64.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
65.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
66.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
67.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
68.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư; (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán);	6619
69.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
70.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản - Kinh doanh dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản	6820

71.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động đo đạc và bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Khảo sát xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng; - Kiểm định xây dựng; - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp; - Hoạt động đấu thầu; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng	7110
72.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
73.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động thiết kế nội thất, ngoại thất	7410
74.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
75.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
76.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7810
77.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm	7820
78.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động	7830
79.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Loại trừ hoạt động báo chí)	8230
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ NHUNG	Số nhà 10, Đường Nguyễn Thái Học, TDP Hồ Đội 2, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thủy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	0341940036 77	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		
2	NGUYỄN DUY THÀNH	Số nhà 11, Đường Hồ Đội, TDP Hồ Đội 2, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thủy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	50,000	0340920079 37	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	50,000		

3	LÊ ANH ĐỨC	Số nhà 15, Đường Hồ Đội, TDP Hồ Đội 2, Thị Trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	034093018585
			Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN DUY THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/05/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034092007937

Ngày cấp: 19/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 11, Đường Hồ Đội, TDP Hồ Đội 2, Thị Trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 11, Đường Hồ Đội, TDP Hồ Đội 2, Thị Trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội